TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tâm

Ông Nguyễn Duy Tài

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Mai - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy Q, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi làm việc: 115 Bedok North Rd, # 01-285, Singapore 460115 (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Duy Q: Chị Trần Thị Hồng C, sinh năm 2002; trú tại: A6B N, đường M, phường T, quận C, thành phố Hà Nội (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2024) (có mặt);

Bị đơn: Chị Cao Thị B, sinh năm 1991; trú tại: Thôn C, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 12/3/2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Duy Q trình bày: Anh và chị Cao Thị B kết hôn ngày 11/9/2019. Trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng kí kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện. Ban đầu hai vợ chồng sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng bắt đầu

sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 26/5/2020, cháu B đang sống cùng anh và gia đình anh từ nhỏ cho đến nay. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu và không đề nghị chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Cao Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên toà đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q với chị B, giao cháu Nguyễn Quốc B cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là anh Nguyễn Duy Q đang làm việc tại Singapore đối với bị đơn là chị Cao Thị B. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 12/3/2024, anh Nguyễn Duy Q có đơn xin ly hôn với chị Cao Thị B. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an cho biết chị Cao Thị B xuất cảnh ngày 01/02/2023, đến nay chưa có thông tin về nước. Tòa án đã làm việc với nguyên đơn và gia đình của chị Cao Thị B nhưng nguyên đơn, gia đình chị B không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị B ở nước ngoài mặc dù gia đình chị B vẫn liên lạc với chị B. Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho chị B, gia đình chị B đều nhận và đã thông

báo cho chị B biết. Tuy nhiên bị đơn là chị Cao Thị B vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được. Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Duy Q ủy quyền cho chị Trần Thị Hồng C tham gia tố tụng tại Tòa án, về quan hệ hôn nhân thì việc anh Q ủy quyền cho chị C là không hợp lệ và không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên anh Q đã có quan điểm rõ ràng về quan hệ hôn nhân và có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vụ án theo quy định.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện việc kết hôn giữa anh Q và chị B trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị B là hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng, theo anh Q thì ban đầu hai vợ chồng sống hòa thuận, đến khoảng năm 2020, do anh và chị B thường xuyên mâu thuẫn do anh Q không liên lạc được với chị B. Qua xác minh tại địa phương và gia đình chị B thì hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Q chơi bời, cờ bạc và hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Việc hai vợ chồng không cùng chung sống nên không thể quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Đó là nguyên nhân của những mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh và ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Q và chị B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q.

[5]. Về con chung: Vợ chồng anh Q chị B có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 26/5/2020, hiện nay cháu B đang ở cùng anh Q và gia đình anh Q, ly hôn anh Q đề nghị được nuôi cháu B. Qua làm việc với gia đình chị B thì được biết chị B có nguyện vọng được nuôi cháu B nhưng chị B không ở Việt Nam, đang không trực tiếp nuôi cháu B. Hiện nay, anh Q có công việc ổn định và có thu nhập nên để đảm bảo sự ổn định cuộc sống, sự phát triển về tâm sinh lý và sự chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ cũng như quyền lợi của cháu B cần thiết giao cháu B cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Q có công việc ổn định, có thu nhập và tự nguyện không đề nghị chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận.

[6]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Nguyễn Duy Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Duy Q được ly hôn chị Cao Thị B.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Duy Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 26/5/2020, chị B không phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

- Về án phí: Anh Nguyễn Duy Q phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0007331 ngày 17/4/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc. Anh Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời gian 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa